

**ĐỀ ÁN**  
**Vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập**

**Phần I**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**

**1.1. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

## **1.2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**

Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Hà Đông. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tham mưu trực tiếp với UBND xã về xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục ngắn hạn, trung hạn, dài hạn cũng như công tác nâng cao chất lượng dạy và học của địa phương.

## **1.3. Cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**

Trường THCS Thanh Hồng là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh tiểu học (nếu có) và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

## **2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**

### **2.1. Quy mô trường lớp**

| Năm học   | Số lớp | Số học sinh | Tăng/giảm so với năm học trước |             |
|-----------|--------|-------------|--------------------------------|-------------|
|           |        |             | Số lớp                         | Số học sinh |
| 2023-2024 | 12     | 476         | 0                              | Tăng 36 HS  |
| 2024-2025 | 12     | 506         | 0                              | Tăng 30 HS  |
| 2025-2026 | 12     | 516         | 0                              | Tăng 10 HS  |

## 2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên

| Năm học     | Tổng số | Ghi chú                                                                                                                               |
|-------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2023 – 2024 | 25      | Biên chế có mặt: 25/26. Tính đến: 09/3/2024: 2 CBQL; 20 GV; 3 NV                                                                      |
| 2024 – 2025 | 26      | Biên chế có mặt: 25<br>2 CBQL; 20 GV; 3 NV                                                                                            |
| 2025 - 2026 | 26      | Biên chế có mặt: 24 (tính đến 09/9/2025). Trong đó: CBQL 02; GV 20; NV 02 (thiếu nhân viên Phụ trách kế toán và Thiết bị -thí nghiệm) |

## 1.3. Hạng trường

Trường THCS Thanh Hồng là trường hạng III.

## 1.4. Cơ sở vật chất

Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức 2. Vì vậy, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng mức 2 Thông tư 13 của Bộ GDĐT quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường THCS.

## 1.5. Vị trí địa lý mà đơn vị đóng trên địa bàn

Trường THCS Thanh Hồng đóng tại trung tâm thôn Nhan Bàu, xã Hà Đông, có vị trí địa lý nằm ở phía Tây Nam của xã, cách trung tâm xã 2 km, là mảnh đất có truyền thống yêu nước cách mạng, cần cù lao động sản xuất và hiếu học.

## 1.6. Thuận lợi, khó khăn

### - Thuận lợi:

+ Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo mọi điều kiện trong thực hiện nhiệm vụ của các cấp ủy, chính quyền xã, thành phố; Phòng VHXXH xã và Sở GDĐT thành phố.

+ Được nhân dân, cha mẹ học sinh tin tưởng vào chất lượng giáo dục của nhà trường; học sinh, đa số có động cơ, ý thức rèn luyện học tập tốt; kỷ cương nề nếp, chất lượng dạy học được duy trì bền vững qua nhiều năm.

+ Đội ngũ đoàn kết, thống nhất cao, cơ bản có đủ loại hình, 100% có đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm khá vững vàng; luôn nhiệt tình yên tâm công tác, gắn bó với nghề nghiệp.

+ Cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học cơ bản có đủ các khối công trình đáp ứng tiêu chuẩn mức độ 2 theo Thông tư 13/2020 của Bộ GDĐT.

### - Khó khăn:

+ Địa phương thuần nông nên nguồn kinh phí dành cho xây dựng, tu bổ, bảo dưỡng cơ sở vật chất hằng năm còn rất hạn chế. Phần lớn cha mẹ, gia đình học sinh là sản xuất nông nghiệp; một số đi làm ăn xa hoặc làm công nhân tại các công ty nên công tác phối hợp, xã hội hóa giáo dục còn gặp nhiều khó khăn.

+ Đội ngũ, còn mất cân đối về loại hình, thiếu giáo viên Công nghệ, nhân

viên Thiết bị, thí nghiệm và phụ trách kế toán.

+ Cơ sở vật chất: một số hạng mục công trình có dấu hiệu xuống cấp nhưng chưa có phương án và kinh phí tu bổ, cải tạo, nâng cấp triệt để; thiếu 6 phòng học thường và một số phòng hỗ trợ học tập; trang thiết bị dạy học chưa thực sự đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018.

+ Học sinh: sĩ số giữa các khối lớp, các năm có sự chênh lệch do sự gia tăng dân số tự nhiên và sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã. Một số em còn thiếu động cơ học tập, thiếu sự quản lý, giáo dục từ gia đình do một bộ phận cha mẹ học sinh còn tâm lý phó thác cho nhà trường.

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

### **Căn cứ:**

1. Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

2. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

6. Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

7. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

8. Thông tư số 14/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ;

9. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn

dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

10. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Trung học cơ sở, Trường Trung học phổ thông và phổ thông có nhiều cấp học;

11. Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

12. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

13. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/04/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường THCS công lập;

14. Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ GDĐT quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

15. Công văn số 2191/UBND-NVKTGS ngày 22/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng v/v xây dựng vị trí việc làm viên chức các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã;

16. Công văn số 208/UBND-VHXXH ngày 29/8/2025 của UBND xã Hà Đông V/v triển khai xây dựng bản mô tả vị trí việc làm, Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã Hà Đông.

## **Phần II**

### **XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

#### **I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

##### **1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02.**

1.1. Hiệu trưởng: 01.

1.2. Phó Hiệu trưởng: 01.

##### **2. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 07.**

2.1. Giáo viên THCS Hạng I: 01.

2.2. Giáo viên THCS Hạng II: 01.

2.3. Giáo viên THCS Hạng III: 01.

2.4. Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm: 01.

2.5. Giáo vụ: 01.

2.6. Tư vấn học sinh: 01.

2.7. Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật: 01.

**3. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 09.**

3.1. Phụ trách kế toán (Kế toán viên trung cấp/Kế toán viên): 01.

3.2. Thư viện viên hạng II: 01.

3.3. Thư viện viên hạng III: 01.

3.4. Thư viện viên hạng IV: 01.

3.5. Văn thư viên: 01.

3.6. Văn thư viên trung cấp: 01.

3.7. Nhân viên Thủ quỹ: 01.

3.8. Chuyên viên về quản trị công sở.

3.9. Y tế học đường.

**4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02** (Thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định hiện hành)

4.1. Nhân viên Bảo vệ: 01.

4.2. Nhân viên Phục vụ: 01

**II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG, KHUNG NĂNG LỰC NGƯỜI LÀM VIỆC**

**1. Phụ lục 01.** Danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp (hoặc tương đương).

| STT      | VỊ TRÍ VIỆC LÀM                                           | Số lượng vị trí việc làm | Hạng CDNN tương ứng | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ                                                                                                                                                                                                                       |
|----------|-----------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | <b>TỔNG</b>                                               | <b>20</b>                |                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>1</b> | <b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>                  | <b>2</b>                 |                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1.1      | Hiệu trưởng                                               | 1                        |                     | Có bằng Cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên THCS hoặc có bằng Cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm                                                                                   |
| 1.2      | Phó Hiệu trưởng                                           | 1                        |                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>2</b> | <b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b> | <b>7</b>                 |                     |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2.1      | Giáo viên trung học cơ sở hạng I                          | 1                        | Hạng I              | - Có bằng Cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên THCS. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng Cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ |
| 2.2      | Giáo viên trung học cơ sở hạng II                         | 1                        | Hạng II             |                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2.3      | Giáo viên trung học cơ sở                                 | 1                        | Hạng III            |                                                                                                                                                                                                                                                      |

| STT      | VỊ TRÍ VIỆC LÀM                                                    | Số lượng vị trí việc làm | Hạng CDNN tương ứng | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ                                                                                                                                                                                                                             |
|----------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | hạng III                                                           |                          |                     | sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành.<br>- Đối với giáo viên làm Tổng phụ trách: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định.                |
| 2.4      | Thiết bị, thí nghiệm                                               | 1                        |                     | Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với VTVL thiết bị thí nghiệm trường học)                                                            |
| 2.5      | Giáo vụ                                                            | 1                        |                     | Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với VTVL giáo vụ)                                                                                                                      |
| 2.6      | Tư vấn học sinh                                                    | 1                        |                     | Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với VTVL tư vấn học sinh.                                                                                                                                                                |
| 2.7      | Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật                         | 1                        |                     | Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe.           |
| <b>3</b> | <b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung</b> | <b>9</b>                 |                     |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3.1      | Phụ trách kế toán (Kế toán viên trung cấp/Kế toán viên)            | 1                        |                     | Có bằng Cao đẳng/Đại học trở lên ngành: tài chính, Kế toán, Kiểm toán                                                                                                                                                                                      |
| 3.2      | Thư viện viên hạng II                                              | 1                        | Hạng II             | Có bằng Đại học trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện, Trường hợp có bằng Đại học trở lên chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin – thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp     |
| 3.3      | Thư viện viên hạng III                                             | 1                        | Hạng III            |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3.4      | Thư viện viên hạng IV                                              | 1                        | Hạng IV             | Có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành Thông tin - Thư viện, Trường hợp có bằng Trung cấp trở lên chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin – thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp |
| 3.5      | Văn thư viên                                                       | 1                        |                     | Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư-lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn                                                         |

| STT | VỊ TRÍ VIỆC LÀM                        | Số lượng vị trí việc làm | Hạng CDNN tương ứng      | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                        |                          |                          | thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3.6 | Văn thư viên trung cấp                 | 1                        |                          | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư Hành chính, Văn thư - lưu trữ, lưu trữ, Lưu trữ và Quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp |
| 3.7 | Nhân viên Thủ quỹ                      | 1                        |                          | Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm ( <i>kiêm nhiệm</i> )                                                                                                                                                                                                                              |
| 3.8 | Chuyên viên về quản trị công sở        | 1                        |                          | Có trình độ, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm ( <i>kiêm nhiệm</i> )                                                                                                                                                                                                                              |
| 3.9 | Y tế học đường                         | 1                        | Hạng IV hoặc tương đương | Có bằng tốt nghiệp Y sĩ Trung cấp trở lên                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4   | <b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b> | <b>2</b>                 |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4.1 | Nhân viên Bảo vệ                       | 1                        |                          | Lao động hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4.2 | Nhân viên Phục vụ                      | 1                        |                          | Lao động hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**2. Phụ lục 02.** Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm (*Có Phụ lục kèm theo*).

### III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp như sau:

- Giáo viên tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng I hoặc tương đương: 04 người, chiếm 16,66% tổng số;
- Giáo viên tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương: 10 người, chiếm 41,66% tổng số;
- Giáo viên và viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương: 10 người, chiếm 41,66% tổng số.
- Lao động hợp đồng (Bảo vệ): 01.

### IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (NẾU CÓ)

Năm học 2025-2026, đề nghị UBND xã bổ sung thêm cho trường THCS Thanh Hồng:

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: số lượng 01 (Nhân viên Thiết bị-thí nghiệm).
- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: số lượng

01 (Phụ trách kế toán (Kế toán viên trung cấp/Kế toán viên).

Trên đây là Đề án vị trí việc làm, số lượng viên chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trường THCS Thanh Hồng, trân trọng đề nghị UBND xã Hà Đông xem xét, phê duyệt/.

**Thủ trưởng cơ quan xây dựng Đề án**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)



**Nguyễn Sinh Hiệp**